.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 169: ÔN TẬP TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức về cách giải bài toán TBC

2. Kĩ năng

- Giải được bài toán về tìm số trung bình cộng.

3. Thái độ

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

* Bài tập cần làm: bài 1, bài 2, bài 3. Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả bài tập

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Bút, sách

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1.Khởi động:*(3p)* *+ Nêu các bước giải bài toán TBC?* - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét *+ B1: Tính tổng các số* *+ B2: Lấy tổng chia cho số các số hạng*
2. HĐ thực hành (35p) *** Mục tiêu:** Giải được các bài toán tìm số TBC *** Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp**	
Bài 1: Gọi 1 hs đọc đề bài - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. - Cho các em chia sẻ với cả lớp về cách tìm TBC của nhiều số. - Nhận xét, khen ngợi/ động viên. * Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2 **Bài 2**: - Gọi 1 hs đọc đề bài	**Cá nhân – Nhóm 2– Lớp** Đáp án: Đ/a: a) (137 + 248+ 395): 3= 260 b) (348 + 219 + 560+ 275) : 4 = 463 **Cá nhân – Lớp**

+ Để tính được trong năm trung bình số dân tăn hằng năm là bao nhiêu chúng ta làm thế nào ? - Nhận xét, khen ngợi/ động viên. * Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2 **Bài 3**: Gọi 1 hs đọc đề bài - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS - Nhận xét, chốt KQ đúng, khen ngợi/ động viên. ***Bài 4 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*** - Củng cố cách giải các bài toán TBC phức hợp - Củng cố cách giải bài toán TBC có liên quan đến tỉ số **3. HĐ ứng dụng** (1p) **4. HĐ sáng tạo** (1p)	+ … phải tính được tổng số dân tăng thêm của năm năm; Sau đó lấy tổng số dân tăng thêm chia cho số năm Bài giải Số người tăng trong 5 năm là : 158 + 147 + 132 + 103 + 95 = 635(người) Số người tăng trung bình hằng năm là : 635 : 5 = 127 (người) Đáp số: 127 người **Cá nhân – Lớp** Số quyển vở tổ Hai góp là: 36 + 2 = 38 (quyển) Số quyển vở tổ Ba góp là: 38 + 2 = 40(quyển vở) Tổng số vở cả ba tổ góp là: 36 + 38 + 40 = 114(quyển) Trung bình mỗi tổ góp được số vở là: 114 : 3 = 38(quyển) Đáp số : 38 quyển - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp *** Bài 4** <u>Bài giải</u> Lần đầu 3 ô tô chở được là: 16 x 3 = 48 (máy) Lần sau 5 ô tô chở được là: 24 x 5 = 120 (máy) Số ô tô chở máy bơm là: 3 + 5 = 8 (ô tô) Trung bình mỗi ô tô chở được là: (48+ 120): 8 = 21(máy) Đáp số : 21 máy bơm *** Bài 5:** Bài giải Tổng của hai số là: 15 x 2 = 30 Số lớn: 2 phần bằng nhau Số bé: 1 phần như thế Số lớn là: 30 : 3 x 2 = 20 Số bé là: 30 – 20 = 10 - Chữa lại các phần bài tập làm sai. - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

:.....

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN

TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết rút kinh nghiệm về bài TLV tả con vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả, …)

2. Kĩ năng

- Tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV.

3. Thái độ

- Có ý thức học tập tích cực, nghiêm túc

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng thống kê ưu và nhược điểm của bài viết
- HS: Vở, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, luyện tập - thực hành
- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:(*5p)* - *GV* dẫn vào bài học	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. HĐ thực hành *(30p)* *** Mục tiêu:** - Biết rút kinh nghiệm về bài TLV tả con vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả, …) - Tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV. *** Cách tiến hành: Cá nhân- Lớp**	
a. Nhận xét chung về kết quả làm bài - Viết lên bảng đề bài tiết TLV tuần 33 (miêu tả con vật) - Nhận xét: * Ưu điểm: Xác định đúng đề bài, kiểu bài, trình bày đúng, bố cục rõ ràng, một số bài có hình ảnh miêu tả sinh động, có liên kết giữa các phần như bài của …….....	- HS đọc lại các đề bài của tiết kiểm tra - Lắng nghe

Kết bài hay như các bài của:..... ……..... * Hạn chế: + Viết sai lỗi chính tả nhiều, chưa có sự sáng tạo, ý chưa nhiều. + Bài chưa giàu hình ảnh so sánh, nhân hoá	
- Trả bài cho từng hs	- Nhận bài làm, đọc thầm lại bài để nhận ra các lỗi
b. HD hs chữa bài - Y/c hs đổi vở cho bạn bên cạnh để kiểm tra - Theo dõi, kiểm tra hs làm việc	- Đổi vở để kiểm tra
c. HD hs học tập những đoạn văn - GV đọc vài đoạn văn hoặc bài văn hay bài được điểm cao cho các bạn nghe. Sau GV hỏi HS cách dùng từ, lối diễn đạt, ý hay của bạn.	- Lắng nghe - Trao đổi nhóm đôi
d. HS chọn viết một đoạn văn trong bài văn của mình. - GV tự chọn đoạn văn cần viết lại cho HS (đoạn nào cần sửa chữa nhiều nhất). - GV so sánh 2 đoạn văn cũ và mới của HS.	- HS thực hành và chia sẻ lại trước lớp
3. HĐ ứng dụng *(1p)*	- Tiếp tục chữa các lỗi trong bài
4. HĐ sáng tạo *(1p)*	- Viết lại bài văn cho hay hơn

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

CHUỖI THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN

.....

.....

.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

ÔN TẬP: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT (tiếp theo)

1. Kiến thức

- Hiểu được vai trò của con người với tư cách là một mắc xích của chuỗi thức ăn trong tự nhiên

2. Kĩ năng

- Vẽ và trình bày sơ đồ (bằng chữ) mối quan hệ về thức ăn của một nhóm sinh vật, trong đó có con người

3. Thái độ

- HS học tập nghiêm túc, tích cực.

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Hình minh họa trang 136, 137, SGK phóng to
- HS: Giấy A4 và bút dạ.

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm, luyện tập-thực hành
- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt đông của giáo viên	Hoạt đông của của học sinh
1, Khởi động *(2p)* - Giới thiệu bài, ghi bảng.	- TBVN điều khiển lớp hát, vận động tại chỗ
2. Bài mới: *(30p)* *** Mục tiêu:** - Hiểu được vai trò của con người với tư cách là một mắc xích của chuỗi thức ăn trong tự nhiên - Vẽ và trình bày sơ đồ (bằng chữ) mối quan hệ về thức ăn của một nhóm sinh vật, trong đó có con người *** Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp**	
Hoạt động 1**: Vai trò của con người trong chuỗi thức ăn tự nhiên* - Y/c hs quan sát hình 136, 137 sgk và nói về những gì mình quan sát được? *+ Dựa vào các hình trên hãy giới thiệu về chuỗi thức ăn trong đó có người?* - **GV**:Trên thực tế thức ăn của con người rất phong phú. Để đảm bảo đủ thức ăn cung cấp cho mình, con người đã tăng gia, sản xuất, trồng trọt và***	**Nhóm 4 – Lớp** - Hs quan sát + Hình 7: Người đang ăn cơm và thức ăn. + Hình 8: Bò ăn cỏ + Hình 9: Các loài tảo- cá- cá hộp (thức ăn con người) *+ Các loại tảo là thức ăn của cá, cá bé là thức ăn của cá lớn, cá lớn đóng hộp là thức ăn của người.* - HS lắng nghe.

chăn nuôi.Tuy nhiên, một số người đã ăn thịt thú rừng hoặc sử dụng chúng vào việc khác.	
+ Hiện tượng săn bắt thú rừng, phá rừng sẽ dẫn đến tình trạng gì?	*+ Hiện tượng săn bắt thú rừng, phá rừng sẽ dẫn đến tình trạng cạn kiệt các loại động vật, môi trường sống của động vật, môi trường sống của động vật, thực vật bị tàn phá.*
+ Điều gì sẽ xảy ra nếu một mắt xích trong chuỗi thức ăn bị đứt?	*+ Nếu một mắt xích trong chuỗi thức ăn bị đứt sẽ ảnh hưởng đến sự sống của toàn bộ sinh vật trong chuỗi thức ăn. Nếu không có cỏ thì bò sẽ chết, con người cũng không có thức ăn. Nếu không có cá thì các loài tảo, vi khuẩn trong nước sẽ phát triển mạnh làm ô nhiễm môi trường nước và chính bản thân con người cũng không có thức ăn.*
+ Chuỗi thức ăn là gì ?	*+ Chuỗi thức ăn là mối quan hệ về thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. Sinh vật này ăn sinh vật kia và chính nó lại là thức ăn cho sinh vật khác*
+ Nêu vai trò của thực vật đối với sự sống trên trái đất?	*+ Thực vật rất quan trọng đối với sự sống trên Trái Đất. Thực vật là sinh vật hấp thụ các yếu tố vô sinh để tạo ra các yếu tố hữu sinh. Hầu hết các chuỗi thức ăn thường bắt đầu từ thực vật.*
KL**: **Vậy chúng ta phải có nghĩa vụ bảo vệ sự cân bằng trong tự nhiên. Thực vật đóng vai trò cầu nối giữa các yếu tố vô sinh và hữu sinh trong tự nhiên. Sự sống trên Trái Đất được bắt đầu từ thực vật.	- HS lắng nghe
Hoạt động 2: Thực hành: Vẽ lưới thức ăn:	**Nhóm 4 – Lớp**
- GV cho HS hoạt động theo nhóm 4: HS xây dựng các lưới thức ăn trong đó có con người. - Gọi HS lên trình bày. - GV nghe, nhận xét, khen/ động viên.	Ví dụ Tảo → Cá bé → Cá to Cá to → Con người Cỏ → Bò → Hổ Bò → Con người
3. Hoạt động ứng dụng (1p)	- Nắm được các chuỗi thức ăn với con người là mắt xích

4. **Hoạt động sáng tạo** (1p)	- Xây dựng sơ đồ các lưới thức ăn

Thứ sáu ngày 25 tháng 4 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ PHƯƠNG TIỆN CHO CÂU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết cách thêm trạng ngữ cho câu

2. Kĩ năng

- Tìm được trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì - BT1, mục III)
- Viết được đoạn văn tả con vật có dùng trạng ngữ trả lời cho câu hỏi *Bằng cái gì? Với cái gì?*

Thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

** ĐCND:* ***Không dạy phần Nhận xét, không dạy phần Ghi nhớ. Phần Luyện tập chỉ yêu cầu tìm trạng ngữ (không yêu cầu nhận diện trạng ngữ gì)***

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Vở BT, bút dạ

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập - thực hành,...
- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động *(3p)* - GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. HĐ thực hành *(35p)* *** Mục tiêu:** - Nhận diện được trạng ngữ trong câu (BT1, mục III); bước đầu viết được đoạn văn ngắn tả con vật yêu thích, trong đó có ít nhất một câu dùng trạng ngữ trả lời cho câu hỏi *Bằng cái gì? Với cái gì?(*BT2). *** Cách tiến hành:**	
Bài 1: Tìm trạng ngữ trong các câu. - GV gọi HS đọc yêu cầu, nội dung bài. - GV nhận xét, kết luận lời giải đúng.	**Cá nhân – Nhóm 2 - Chia sẻ lớp** Đáp án: + *Bằng đôi cánh mềm mại, chú chim câu bay vút lên mái nhà.* + *Với đôi cánh to khoẻ, gà mẹ sẵn sàng*

+ Đặt câu hỏi cho bộ phận TN của các câu trên?	*che chở cho đàn con thân yêu.* *+ Bằng cái gì, chú chim câu bay vút lên mái nhà?* *+ Với cái gì, gà mẹ sẵn sàng che chở cho đàn gà con thân yêu?*
Bài 2: - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ. - YC HS nói câu có trạng ngữ phù hợp với mỗi con vật, trạng ngữ trả lời cho câu hỏi *Bằng cái gì? Với cái gì?*	**Cá nhân – Lớp** - HS quan sát tranh minh hoạ. - HS đặt câu có trạng ngữ phù hợp với mỗi con vật. VD: Với sải cánh rộng, gà mái mẹ ủ ấm cho cả đàn con,..
- Yêu cầu HS tự làm bài viết đoạn văn ngắn 5-7 câu tả về con vật mà em yêu thích. Trong đó có ít nhất 1 câu có trạng ngữ trả lời cho câu hỏi *Bằng cái gì? Với cái gì?* * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 biết cách thêm trạng ngữ cho câu. HS M3+M4 biết thêm trạng ngữ và đặt câu giàu hình ảnh nhân hóa, so sánh,..	- HS viết bài
3. HĐ ứng dụng *(1p)* **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*	- Ghi nhớ cách tìm trạng ngữ trong câu - Hệ thống lại các loại trạng ngữ đã học

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 170: ÔN TẬP VỀ TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức về cách giải bài toán tổng – hiệu

2. Kĩ năng

- Giải được bài toán về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

3. Thái độ

- Tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán
* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3. KK HS năng khiếu hoàn thành tất cả các bài tập.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td>1.Khởi động:(3p)
+ Nêu các bước giải bài toán tổng – hiệu
- GV dẫn vào bài mới</td><td>- TBVN điều hành lớp hát, vận đông tại chỗ
+ B1: Tóm tắt bài toán bằng sơ đồ
+ B2: Tìm số lớn, số bé SL = (T+H) : 2
SB = (T-H) : 2</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. HĐ thực hành (35p)
* Mục tiêu: Giải được các bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó
* Cách tiến hành:</td></tr>
<tr><td>Bài 1: Gọi 1 hs đọc đề bài
- Nhận xét, khen ngợi/ động viên.
* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2
- Chốt lại cách tìm số lớn, số bé</td><td>Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp
Đáp án:
<table>
<tr><td>Tổng</td><td>318</td><td>1945</td><td>3271</td></tr>
<tr><td>Hiệu</td><td>42</td><td>87</td><td>493</td></tr>
<tr><td>SL</td><td>180</td><td>1016</td><td>1882</td></tr>
<tr><td>SB</td><td>138</td><td>929</td><td>1389</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Bài 2:
- Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS
- Chốt lại các bước giải</td><td>Cá nhân – Lớp
Bài giải
Đội thứ nhất trồng được là:
(1375 + 285) : 2 = 830(cây)
Đội thứ hai trồng được là:
830 – 285 = 545 (cây)
Đáp số : Đội 1: 830 cây
Đội 2 : 545 cây</td></tr>
<tr><td>Bài 3:
- YC HS nêu các bước giải bài toán:
+ Tìm nửa chu vi
+ Vẽ sơ đồ.
+ Tìm CR, CD.
+ Tính diện tích
- GV nhận xét, chốt đáp án.</td><td>Nhóm 2 – Lớp
Bài giải
Nửa chu vi thửa ruộng là:
530 : 2 = 265 (m)
Chiều rộng của thửa ruộng là:
(265 – 47) : 2 = 109 (m)
Chiều dài của thửa ruộng là:
109 + 47 = 156 (m)
Diện tích của thửa ruộng là:</td></tr>
</table>